| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 619/2024/DS-PT<br>Ngày: 05-12-2024<br>V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Trang;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Chí Đức;

Ông Lê Minh Đạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4069/2024/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số I, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2024):*

Bà Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Diễm C - Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

*2. Bị đơn:*

Bà Đoàn Thị Yến M, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số I, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2024):*

Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số D, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số H, đường Đ, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*3. Người kháng cáo*: Bà Đoàn Thị Yến M, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm;*

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Đoàn Thị Yến M là chủ hụi, bà Nguyễn Thị H là hụi viên. Vào năm 2022 bà H có tham gia vào các dây hụi do bà M làm chủ cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mệnh giá 20.000.000 đồng. Hụi khui ngày 25/12/2022 âm lịch, mãn hụi ngày 25/7/2024 âm lịch, dây hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần vào ngày 25 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần; bà H có đóng hụi cho bà M đến ngày 25/12/2023 âm lịch được 13 tháng với tổng số tiền thực tế là 213.163.000 đồng; tính hụi có lãi là 13 tháng x 20.000.000 đồng = 260.000.000đồng.

Dây 2: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng. Hụi khui ngày 04/3/2023 âm lịch, mãn hụi ngày 04/01/2024 âm lịch, dây hụi gồm có 25 phần, mỗi tháng khui hụi 02 lần vào ngày 04 và ngày 20 âm lịch, bà H tham gia 06 phần trong dây hụi này. Tính đến ngày 04/01/2024 âm lịch bà H đã đóng cho bà M được 21 tháng x 06 phần với tổng số tiền thực tế là 483.330.000 đồng. Tính hụi có lãi là 21 tháng x 06 phần x 5.000.000 đồng = 630.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng. Hụi khui ngày 15/7/2023 âm lịch, mãn hụi ngày 15/07/2023 âm lịch, mỗi tháng khui hụi 02 lần vào ngày 15, 30 âm lịch, dây hụi gồm có 25 phần. Bà H tham gia 06 phần trong dây hụi này; tính đến ngày 30/12/2023 âm lịch bà H đã đóng số tiền thực tế cho bà M 11 tháng x 06 phần với tổng số tiền thực tế đã đóng là 246.090.000 đồng, tính hụi có lãi 11 tháng x 06 phần x 5.000.000đ = 330.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi trên số tiền bà H đóng thực tế là 942.583.000 đồng, nếu tính hụi có lãi là 1.220.000.000 đồng.

Dây 4: Hụi mệnh giá 10.000.000 đồng. Hụi khui ngày 20/11/2023 âm lịch, mãn hụi ngày 20/4/2025 âm lịch, tháng khui 01 lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, hụi gồm 18 phần. Bà H tham gia 02 phần trong dây hụi này và bà H đã đóng hụi cho bà M được 02 tháng x 02 phần với số tiền thực tế là 31.486.000 đồng, tính hụi có lãi là 02 tháng x 02 phần x 10.000.000đ = 40.000.000 đồng.

Dây 5: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng. Hụi khui ngày 09/12/2023 âm lịch, mãn hụi ngày 09/12/2024 âm lịch, hụi gồm có 25 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 09 và 25 âm lịch. Bà H tham gia 06 phần trong dây hụi này. Bà H đã đóng hụi cho bà M được hai tháng với số tiền thực tế là 49.104.000 đồng, tính hụi có lãi 02 tháng x 06 phần x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

- Ngoài ra bà H có thỏa thuận với bà M mua thêm 05 phần hụi với số tiền 641.000.000 đồng, việc mua hụi này là do bà H, bà M tự thỏa thuận với nhau không có liên quan đến người thứ ba; tiền mua hụi bà H chuyển cho bà M hai lần vào ngày 05/01/2024 bà H đã chuyển khoản cho bà M số tiền là 604.000.000 đồng và ngày 11/01/2024 bà H có chuyển khoản thêm cho bà M số tiền 37.000.000 đồng.

Trong suốt thời gian thỏa thuận chơi hụi với nhau hai bên thỏa thuận chuyển khoản hoặc giao tiền mặt và thường xuyên trao đổi qua tin nhắn Zalo điện thoại việc này bà H đã lập Vi bằng số 447/2024/VB-TPL ngày 15/7/2024 và toàn bộ danh sách sao kê bà H chuyển tiền cho bà M cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản tự khai ngày 24/3/2024, bà Đoàn Thị Yến M thừa nhận nợ tiền bà H dây hụi thứ 4, thứ 5 tổng cộng là 100.000.000 đồng, bà M thừa nhận có nhận tiền mua hụi từ bà H là 641.000.000 đồng; đồng thời, bà M cũng thừa nhận bà H có tham gia dây hụi 1, dây hụi 2, dây hụi 3 như bà H trình bày và thừa nhận bà M còn nợ bà H dây hụi này nhưng bà M không xác nhận số tiền bà M nợ bà H là bao nhiêu.

Trong quá trình tố tụng, bà T được bà Nguyễn Thị H ủy quyền yêu cầu bà Đoàn Thị Yến M phải giao trả cho bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền là 1.773.841.000 đồng (gồm các khoản như sau: Tiền hụi thực tế dây hụi 1, dây hụi 2, dây hụi 3 là 942.583.000 đồng, tiền dây hụi thứ 4, dây hụi thứ 5 là 100.000.000 đồng, tiền mua hụi là 641.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 29/02/2024 đến ngày 12/9/2024 là 06 tháng 13 ngày, với lãi suất 10%/năm của số tiền 1.683.583.000 đồng, cụ thể 1.683.583.000 đồng x 06 tháng 13 ngày x 10%/năm = 90.258.000 đồng).

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đoàn Thị Yến M trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M trình bày nội dung chi tiết như sau:

Dây 1: Hụi mệnh giá 20.000.000 đồng, mở ngày 25/12/2022 âm lịch và mãn ngày 25/7/2025 âm lịch. Bà H có tham gia 01 phần và đóng được bao nhiêu kỳ thì bà không nhớ được do giấy tờ hụi bị mất, hư hại vì trong thời gian bà mất khả năng thanh toán, mời hụi viên đến nhà, xảy ra cãi vả, xô xát và bị một số hụi viên lấy đi trong lúc tranh chấp. Bà xác nhận là có nợ tiền hụi dây này nhưng số tiền cụ thể bà không xác định và đối chiếu chính xác được. Nếu bà H cung cấp chứng cứ hợp lệ, đầy đủ chứng minh bà nợ chính xác bao nhiêu bà sẽ chấp nhận thanh toán toàn bộ số tiền mà bà H chứng minh được.

Dây 2: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, mở ngày 04/3/2023 âm lịch và mãn ngày 04/01/2024 âm lịch. Bà H có tham gia 06 phần và đóng được bao nhiêu kỳ thì bà không nhớ được. Như trường hợp trên, hụi viên tham gia nhiều, hụi mở nhiều dây mà giờ do giấy tờ hụi bị mất, hư hại vì trong thời gian bà mất khả năng thanh toán, mời hụi viên đến nhà, xảy ra cãi vả, xô xát và bị một số hụi viên lấy đi trong lúc tranh chấp. Bà xác nhận là có nợ tiền hụi dây này nhưng số tiền cụ thể bà không xác định và đối chiếu chính xác được. Nếu bà H cung cấp chứng cứ hợp lệ, đầy đủ chứng minh bà nợ chính xác bao nhiêu bà sẽ chấp nhận thanh toán toàn bộ số tiền mà bà H chứng minh được.

Dây 3: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, mở ngày 15/7/2023 âm lịch và mãn ngày 15/7/2024 âm lịch. Bà H có tham gia 06 phần và đóng được bao nhiêu kỳ thì bà không nhớ được. Như trường hợp trên, hụi viên tham gia nhiều, hụi mở nhiều dây mà giờ do giấy tờ hụi bị mất, hư hại vì trong thời gian bà mất khả năng thanh toán, mời hụi viên đến nhà, xảy ra cãi vả, xô xát và bị một số hụi viên lấy đi trong lúc tranh chấp. Bà xác nhận là có nợ tiền hụi dây này nhưng số tiền cụ thể bà không xác định và đối chiếu chính xác được. Nếu bà H cung cấp chứng cứ hợp lệ, đầy đủ chứng minh bà nợ chính xác bao nhiêu bà sẽ chấp nhận thanh toán toàn bộ số tiền mà bà H chứng minh được.

Dây 4: Hụi mệnh giá 10.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2023 âm lịch và mãn ngày 20/4/2025 âm lịch. Bà H có tham gia 02 phần và đóng được 02 kỳ nhưng mỗi kỳ đóng hụi thì bà không nhớ là bao nhiêu; dây hụi này bà đồng ý hoàn trả cho bà H 40.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H.

Dây 5: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, mở ngày 09/12/2023 âm lịch và mãn ngày 09/12/2024 âm lịch. Bà H có tham gia 06 phần và đóng được 02 kỳ, nhưng mỗi kỳ đóng hụi thì bà không nhớ là bao nhiêu; dây hụi này bà đồng ý hoàn trả cho bà H 60.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H.

Phần mua hụi: Bà có nhận chuyển khoản của bà H hai lần: lần 01 vào ngày 05/01/2024 với số tiền là 604 triệu đồng và lần 02 vào ngày 11/01/2024 với số tiền là 37 triệu đồng. Tổng cộng hai lần chuyển là 641 triệu đồng. Đối với yêu cầu bà H buộc bà thanh toán số tiền này cho bà H là bà không đồng ý.

Bà chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho hụi viên chứ không thể thanh toán cho bà H được. Nếu như bà H được hụi viên bà thỏa thuận mua hụi uỷ quyền nhận thay số tiền trên thì bà sẽ đồng ý thanh toán số tiền này cho bà H.

Đối với tất cả chứng cứ bà H cung cấp bà không xác nhận vì thông tin trên chứng từ không đầy đủ, là bản photo copy, không thể hiện nội dung chính xác bà nợ bà H. Bà đồng ý xác nhận nợ khi bà H cung cấp bản gốc chứng từ (viết tay, hoặc bản in kê) thể hiện đầy đủ nội dung về số nợ.

Đây chỉ là những chứng từ trong quá trình làm việc bà thường chụp của những hụi viên này gửi cho những hụi viên khác để kiểm tra, đối chiếu thông tin chứ không hoàn toàn là chỉ duy nhất mang ý nghĩa gửi người nào là nợ người đó.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 218, 227, 244, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc khởi đối với số tiền 187.159.000 (Một trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đoàn Thị Yến M có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.773.841.000 (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng.

Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Hủy bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) đồng đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 7211503613 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Đoàn Thị Yến M kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận các yêu cầu của bà M, cụ thể yêu cầu bà H cung cấp tất cả chứng từ đóng hụi, chốt nợ mà bà M xác nhận đối với bà H; yêu cầu bà H cung cấp chứng từ xác nhận lại đúng số nợ mà bà M đã nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc bà M phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền là 1.773.841.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 187.159.000 đồng (là số tiền chênh lệch giữa số tiền tính theo hụi có lãi và số tiền hụi thực tế đóng, do ban đầu bà H yêu cầu bà M trả số tiền hụi tính theo hụi có lãi nhưng sau đó chỉ yêu cầu trả số tiền hụi thực tế bà H đóng cho bà M).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 168/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Yến M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Đoàn Thị Yến M kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà H yêu cầu bà M phải giao trả cho bà H số tiền tổng cộng là 1.773.841.000 đồng gồm các khoản như sau: tiền hụi thực tế dây hụi 1, dây hụi 2, dây hụi 3 là 942.583.000 đồng; tiền dây hụi thứ 4, dây hụi thứ 5 là 100.000.000 đồng; tiền mua hụi là 641.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 29/02/2024 đến ngày 12/9/2024 là 06 tháng 13 ngày với lãi suất 10%/năm của số tiền 1.683.583.000 đồng, cụ thể 1.683.583.000 đồng x 06 tháng 13 ngày x 10%/năm = 90.258.000 đồng.

Bị đơn bà M chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền của dây hụi thứ 4, dây hụi thứ 5 là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền mua hụi là 641.000.000 đồng thì bà M cho rằng bà đã trả cho bà H nhưng lúc trả không có làm giấy tờ nên không có chứng cứ nộp cho Tòa án. Các khoản tiền bà H yêu cầu đối với các dây hụi số 1, 2, 3 thì bà M đồng ý trả khi bà H cung cấp chứng cứ hợp lệ, đầy đủ chứng minh bà M nợ chính xác bao nhiêu.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại Bản tự khai ngày 24/3/2024, bà Đoàn Thị Yến M thừa nhận bà M có nợ và đồng ý trả cho bà H dây hụi mệnh giá 10.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2023 âm lịch với số tiền 40.000.000 đồng và dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, mở ngày 09/12/2023 âm lịch với số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền tiền của dây hụi thứ 4 và dây hụi thứ 5 là 100.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với việc bà H mua hụi với số tiền 641.000.000 đồng:

Tại bản tự khai ngày 24/3/2024, bà M thừa nhận bà M có nhận số tiền mua hụi 02 lần từ bà H với số tiền là 641.000.000 đồng nhưng bà M không đồng ý giao

trả số tiền này vì cho rằng đã trả cho bà H rồi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này và bà H cũng không thừa nhận việc này. Xét thấy, bà M là chủ hụi và là người nhận tiền trực tiếp từ bà H nên có cơ sở xác định việc mua hụi là sự thỏa thuận giữa bà H với bà M. Do đó, việc bà H yêu cầu bà M giao trả số tiền mua hụi là 641.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà M giao trả số tiền hụi thực tế của dây hụi thứ 1, 2, 3 là 942.583.000 đồng:

Bà M thừa nhận bà là chủ hụi, bà H là hụi viên có tham gia 03 dây hụi ngày 25/12/2022 âm lịch, ngày 04/3/2023 âm lịch, ngày 15/7/2023 âm lịch như bà H trình bày, bà M có nợ tiền hụi của bà H nhưng số tiền cụ thể bà không xác định được, nếu bà H cung cấp chứng cứ hợp lệ, đầy đủ chứng minh bà nợ chính xác bao nhiêu thì bà sẽ chấp nhận thanh toán cho bà H.

Xét việc tham gia chơi hụi là sự thỏa thuận của các thành viên tham gia chơi hụi với chủ hụi cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hụi và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cung cấp chứng cứ là Vi bằng số 447/2024/VB-TPL ngày 15/7/2024 thể hiện tại trang 23 có văn bản chốt nợ bản chính từ Zalo của bà M gửi cho bà H thể hiện bà đã tổng kết số tiền nợ của các khoản trong đó có 03 dây hụi nêu trên. Bà M là chủ hụi, là người chủ động trong việc lập các giấy tờ và quản lý việc hụi viên đóng hụi, hốt hụi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà M đã thanh toán tiền hụi cho bà H hoặc chứng cứ để phản bác yêu cầu của bà H. Do đó, có căn cứ xác định bà M còn nợ bà H số tiền của các dây hụi 1, 2, 3 ngày 25/12/2022 âm lịch, ngày 04/3/2023 âm lịch và ngày 15/7/2023 âm lịch với số tiền tổng cộng là 942.583.000 đồng.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi của bà H:

Bà H yêu cầu bà M trả cho bà H số tiền lãi từ ngày 29/02/2024 đến ngày 12/9/2024 là 06 tháng 13 ngày, với lãi suất 10%/năm của số tiền 1.683.583.000 đồng với số tiền là 90.258.000 đồng. Xét thấy: Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà H làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà H. Về thời gian tính lãi và mức lãi suất bà H yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dânnên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố

Bến Tre, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án sau này là phù hợp nhưng lại tuyên hủy bỏ quyếtbuộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để nguyên đơn được nhận lại số tiền đang bị phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh B với số tiền 150.000.000 đồng là không đúng với quy định pháp luật nên cần điều chỉnh và duy trì biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để đương sự được nhận lại tiền bảo đảm được thực hiện theo quy định tại điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

[5] Đối với các phần còn lại của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Yến M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148, 217, 218, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 357, 468 của Bộ luật Dânnăm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thườngvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 187.159.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đoàn Thị Yến M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.773.841.000đ (một tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo Giấytiền vào tài khoản số 7211503613 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh B số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Yến M phải nộp 65.215.230đ (sáu mươi lăm triệu, hai trăm mười lăm nghìn, hai trăm ba mươi đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị H được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.415.000đ (ba mươi lăm triệu,

bốn trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004254 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị Yến M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005174 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi CụcThi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Trang**